

판결 번호: 204/2026/HNGĐ-ST

2026/08/31 일자

“이혼에 관련의 건”

베트남 사회주의 공화국 명의

하이퐁 시 제 8 지역 인민법원

- 재판 배심원 구성:

판사 – 재판장: Mrs Nguyen Thi Hoai Thanh

인민참심원 : Mrs Le Thi Thanh Van.

Mrs Nguyen Thi Tuoi.

- 재판 간사: Mrs. Dinh Thi Thu – 하이퐁시 제 8 지역 인민법원

- 하이퐁시 제 8 지역 인민검찰청 대리인 Mrs. Tran Thi Hai Yen – 검찰원

2026/08/31 일에 하이퐁시 제 8 지역 인민법원 본점에서 아래와 같은 당사자간의 2026/07/02 일자 제 149/2026/QĐXXST-DS 호 재판 개시 결정서 및 2026/07/29 일자 제 88/2026/QĐST-HNGĐ 호 재판연기 결정서에 따른 2025/10/27 일자로 접수, 수리된 제 388/2025/TLST-HNGĐ 호의 이혼사건을 공개 재판을 진행하였습니다.

1. 원고: Mrs Nguyen Hai Anh (응웬하이아인), 생년월일: 1991/09/27, 신분등록번호: 030191010206.

등록기준지: 하이퐁 시 탄동 동 띠엔비엔푸로 49/220 재판 불참

2. 피고: Mr HWANG MYEONG GEUN (황명근) 생년월일: 1971/04/05 여권번호: M96151605 발급기관: 한국 외교부, 여권 발급일자: 2009/09/01

등록기준지: 한국 서울 동작구 상도동 120-1 재판 불참

사건 내용:

본 사건의 자료인 이혼 신청서, 진술서 및 기타 서류 상 원고인 Nguyen Hai Anh (응웬하이아인)씨가 아래와 같이 진술하였습니다 :

본인은 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨와 서로 알게 되어 자발적으로 2009/11/04 일자로 한국 경기도 용인시 천인구에서 혼인을 신고하였습니다. 또한 2009/11/24 일자로도 하이즈영 성 법무국에서 혼인 등록을 하였습니다. 결혼한 후 얼마가 지나지 않아 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨가 한국에 돌아갔고 본인은 계속해서

베트남에서 생활해 왔습니다. 2010 년부터 부부가 떨어져 살았고 의사소통도 안 되었고 문화 차이가 있어서 부부가 서로 연락과 관심이 없었습니다. 현재 부부 사이에 감정이 더 없고 혼인이 행복하게 이루어지지 못 하며 함께 생활하지 못 함으로 인하여 본인은 HWANG MYEONG GEUN 씨와 이혼하도록 법원에게 청구했습니다.

공용자녀, 자산 및 부채에 관해서 부부사이에 공용자녀도 없으며 자산이나 부채가 없음으로 인하여 법원에게 별도의 해결을 청구하지 않습니다.

2026/07/08 일자 제 2398/BTP-PLQT&GQTCĐTQT 호 공문과 별첨 자료에 따르면 베트남 법무부는 한국의 관할 기관이 하이퐁 시 제 8 지역 인민법원이 발송한 송탁서류를 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨에게 송달하지 않았음을 통보하였습니다

하이퐁 시 제 8 지역 인민법원은 하이퐁시 전자 홈페이지를 통하여 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨에게 공지했으며 주한 베트남 대사관의 홈페이지를 통하여도 공지했습니다.

당사자들이 재판에 불참하였습니다.

재판에 참석한 하이퐁 시 제 8 지역 검찰청의 대리인 의견: 사건을 해결한 과정에 판사와 인민참심원의 소송법 준수는 제대로 하였습니다. 당사자들이 법률 규정을 철저히 집행했습니다.

사건 해결에 관련해서 재판부는 혼인 및 가정법 제 51 조, 제 56 조; 민사소송법 제 28 조 1 항, 제 35 조 1 항, 제 147 조, 제 227 조, 제 228 조, 제 469 조 1 항 d 점, 제 477 조 5 항 b 점; 민사소송법의 일부 개정령 제 1 조 2 항; 행정소송법, 미성년 법무법, 파산 및 법원에서 중재 & 대화법, 소송비 및 수수료에 관련 법, 소송법 및 법원 수수료 부과 기준을 규정한 국회 상무위원회가 2016/12/30 일자 발생한 제 324/QH14 호 의정서에 근거하여 사건을 해결한것을 제안했습니다

혼인관계에 관하여 Nguyen Hai Anh (응웬하이아인)씨의 HWANG MYEONG GEUN 씨와 이혼 소송청구를 받아들인 것이 맞습니다. 공용자산, 자산 및 부채에 대해서 별도의 해결을 요청하지 않고 소송비에 대해서는 NGUYEN HAI ANH (응웬하이아인)씨는 일심 소송비를 300.000 동을 부담해야 합니다

법원의 판단:

재판에서 공개하게 된 사건서류와 재판에서 논의된 결과에 근거하여 재판부의 판단은 아래와 같습니다:

[1] 소송에 관하여

[1.1] 분쟁 법률 관계 및 사건 해결 권한:

하이퐁시 탄동동 띠엔비엔푸로 49/220 에서 거주하는 NGUYEN HAI ANH 씨가 한국에 살고 있는 한국인 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨와 상대로 이혼을 청구하여습니다. 민사소송법

제 28 조 1 항, 제 35 조 1 항, 제 469 조 1 항 d 점, 민사소송법을 개정한 시행령 제 1 조 2 항, 행정소송법, 미성년 법무법, 파산 및 중재대화법에 따르면 본 사건을 해결하는 권한이 하이퐁시 제 8 지역 인민법원에 있으며 분쟁 법률 관계는 이혼 사건으로 확인되었습니다.

[1.2] 본 사건을 해결한 과정에 Hai Anh (하이하인씨가 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨의 주소를 혼인증명서에 기록된 한국에 있는 주로로 제공하였습니다. 하이퐁 시 제 8 지역 인민법원은 한국의 관할 기관을 통하여 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨에게 소송서류를 송달하였습니다. 그러나 2026/07/08 일자 제 2398/BTP-PLQT&GQTCĐTQT 호 공문에 따르면 베트남 법무부는 한국의 관할 기관이 하이퐁 시 제 8 지역 인민법원이 발송한 송달서류를 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨에게 진행하지 않았음을 표시하였습니다. 이에 인민법원은 하이퐁 시 인민법원의 홈페이지를 통하여 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨에게 사건에 관련한 내용을 공지했고 주한 베트남 대사관에게도 협조 공문을 발송하여 주한 베트남 대사관의 홈페이지를 통하여 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨에게 해당 내용을 공지하도록 했습니다.

재판에서 HAI ANH (하이하인)씨는 재판 불참 신청서를 제출했습니다. 피고인 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨는 민사소송법 제 474 조 3 항의 규정에 따라 송달되었는데 이유없이 불참하였습니다. 그래서 민사소소업 제 227 조, 제 228 조, 제 477 조 5 항 b 점에 근거하여 재판부가 당사자들의 불참으로 재판하였습니다.

[2] 내용에 관련하여

[2.1] NGUYEN HAI ANH (응웬하이하인)씨가 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨와 서로 알게 되어 2009/11/04 일에 한국 경기도 용인시 천인구에서 혼인을 자발적으로 신고하였습니다. 또한 2009/11/24 일에 하이즈영 성 법무국에서 혼인을 등록하였습니다. 그래서 본 사건의 혼인이 법적으로 이루어졌습니다.

Hai Anh (하이하인)씨의 진술서와 하이퐁 시 경찰서 소속한 출입국관리소가 발소한 2026/05/29 일자 제 4482/XNC 호 공문에 따르면 결혼한 후 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨가 한국에 돌아간 근거가 확인되었습니다. 2011 년부터 HAI ANH (하이하인)씨가 혼자서 베트남에서 생활해 왔습니다. HAI ANH (하이하인)씨와 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨는 각자가 다른 국가에서 따로 생활하고 함께 살지 않았고 혼인의 목적이 이루어지지 않음으로 인하여 혼인가정 법제 56 조 1 항에 근거하여 HAI ANH (하이하인)씨가 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨와 이혼한 청구를 인정할 필요가 있습니다.

[2.2] 공용 자녀 관계: HAI ANH (하이하인)씨에 따라 부부 사이에 공용자녀가 없다고 해서 법원은 별도 검토하지 않습니다.

[2.3] 공용자산 및 부채: 당사자들이 별도의 청구하지 않음으로 해서 재판부가 검토하지 않습니다. 추후 당사자들이 이혼후 재산 분쟁이 발생할 경우 다른 민사사건으로 소송할 수 있습니다.

[3] 소송비: HAI ANH (하이아인)씨는 본 사건의 원고로 해서 민사소송법 및 소송비 및 법원 수수료 부과, 면제, 감면, 사용 및 관리를 규정한 국회 상무위원회가 2016/12/30 일자 발생한 제 326/2016/ UBTVQH14 호 시행령에 근거하여 일심 소송비를 부담해야 합니다.

상기의 근거를 바탕으로

결정:

혼인가정법 제 51 조, 제 56 조; 민사소송법 제 28 조 1 항, 제 35 조 1 항, 제 147 조, 제 227 조, 제 228 조, 제 469 조 1 항 d 점, 제 477 조 5 항 b 점; 민사소송법의 일부 개정령 제 1 조 2 항; 행정소송법, 미성년 법무법, 파산 및 법원에서 중재 & 대화법, 소송비 및 수수료에 관련 법, 소송법 및 법원 수수료 부과 기준을 규정한 국회 상무위원회가 2016/12/30 일자 발생한 제 324/QH14 호 의정서를 적용하여 판결은 아래와 같습니다:

1. 혼인관계: NGUYEN HAI ANH (응웬하이아인)씨의 소송청구를 받아들여 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨와 이혼하도록 판결합니다.

2. 소송비: NGUYEN HAI ANH (응웬하이아인)씨는 이혼 일심 소송비의 300.000 동을 부담해야 합니다. 이를 사전에 하이퐁 시 민사사건 집행 지국에서 2025/10/27 일에 Mr. NGUYEN QUANG DUNG 이 대신해서 납부한 0005173 호 BLTU/25E 의 영수증에 따른 300.000 동과 상계처리가 됩니다. NGUYEN HAI ANH (응웬하이아인)씨는 소송비 납부의무가 이행한 것으로 확인합니다.

3. 항소권한: NGUYEN HAI ANH (응웬하이아인)씨는 판결서를 받는 날부터 15 일 이내에 항소할 권한이 있으며 HWANG MYEONG GEUN (황명근)씨는 판결서를 받는 날 또는 법률 규정에 따라 적법적으로 송달되거나 공지되는 날부터 01 개월 이내에 항소할 권한이 있습니다.

수신처:

- 하이퐁시제 8 지역 인민검찰청;
- 하이퐁시 제 8 지역 민사사건 집행팀;
- 하이퐁시 법무국(하이즈영 성 법무국에서 2029 년도 혼인등록);
- 당사자들;
- 사무보관용

재판부 대행

판사 - 재판장

Nguyen Thi Hoai Thanh

Lời chứng thực chữ ký người dịch

Tôi, Trần Thị Thanh Huyền – Căn cước công dân số 036179004684 cấp ngày 17/08/2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Việt sang tiếng Hàn Quốc

번역 서명자의 인증

본인 편티탄후엔 (신분증번호 036179004684, 발급일자: 2022/08/17, 신분증 발급기관: 사회질서 행정관리 경찰청)은 첨부된 문서를 베트남어에서 한국어로 정확하게 번역하였음을 서약합니다.

Ngày 18 tháng 09 năm 2026

2026 년 09 월 18 일

Người dịch 번역자


Trần Thị Thanh Huyền

Ngày 18 tháng 09 năm 2026

(Ngày mười tám, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại: Phòng Công Chứng Số 1 Thành Phố Hải Phòng
Tôi: Nguyễn Thị Hồng Vân.....là
Công chứng viên - Phòng Công Chứng Số 1 Thành Phố Hải Phòng

Chứng thực:

Bà Trần Thị Thanh Huyền là người đã ký từng trang bản dịch này.

Văn bản chứng thực này được lập thành 05 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 02 tờ, 02 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Phòng Công Chứng Số 1 Thành Phố Hải Phòng

2026 년 09 월 18 일

(이천이십육년 구월 십팔일)

하이퐁 시 제 1 호 공증 사무소에서

본인 Nguyễn Thị Hồng Vân.....
하이퐁 시 제 1 호 공증공인사무소에 소속한 공증인은

인증:

편티탄후엔 번역자가 위 번역문제의 각 페이지에 서명한 사실을 인증합니다.

본 공증문서는 원부의 05 로 작성하며 (각부는 02 장 02 .페이지) 01 부 (일)를 하이퐁 시 제 1 호 공증사무소에서 보관됩니다.

Số chứng thực 등부번호:.....8370.....quyền số 01/2026-SCT/CKND

Công chứng viên 공증인




CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Hồng Vân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2026

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Vân.

Bà Nguyễn Thị Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8
- Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 388/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2026/QĐXXST-DS ngày 02/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hải Anh, sinh ngày 27/9/1991. Số CCCD: 030191010206.

Địa chỉ cư trú: 49/220, phố Điện Biên Phủ, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh HWANG MYEONG GEUN, sinh ngày 05/4/1971; Hộ chiếu số M96151605 do Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc cấp ngày 01/9/2009.

Địa chỉ: 120-1, phường Shangdo, quận Dongjak, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hải Anh trình bày:

Chị và anh HWANG MYEONG GEUN được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại quận Cheoin, thành phố Yongin, tỉnh Gyeonggi, Hàn Quốc

vào ngày 04/11/2009 và đã ghi chú đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương vào ngày 24/11/2009. Sau khi kết hôn thời gian ngắn, anh HWANG MYEONG GEUN về Hàn Quốc, chị vẫn sinh sống tại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý mỗi người sống một nơi từ năm 2010, bất đồng về văn hóa, ngôn ngữ nên vợ chồng không liên lạc, không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không có cuộc sống chung, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh HWANG MYEONG GEUN.

Về con chung, tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có con chung, tài sản và công nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại văn bản số 2398/BTP-PLQT&GQTCĐTQT ngày 08/7/2026 và tài liệu kèm theo, Bộ Tư pháp thông báo Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc không thực hiện uỷ thác tư pháp của Toà án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng cho anh HWANG MYEONG GEUN.

TAND khu vực 8 – Hải Phòng đã thông báo cho anh HWANG MYEONG GEUN trên cổng thông tin điện tử của TAND thành phố Hải Phòng, có công văn đề nghị Đại sứ quán của Việt Nam tại Hàn Quốc tiến hành niêm yết và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Đương sự chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hải Anh, xử cho chị Nguyễn Hải Anh ly hôn anh HWANG MYEONG GEUN. Về con chung, tài sản chung: không giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Hải Anh phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Hải Anh, có địa chỉ cư trú: số 49/220, phố Điện Biên Phủ, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh HWANG MYEONG GEUN, quốc tịch Hàn Quốc, hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng; đồng thời xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hải Anh cung cấp địa chỉ của anh HWANG MYEONG GEUN tại Hàn Quốc theo địa chỉ tại giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Hải Anh và anh HWANG MYEONG GEUN. Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng đã thực hiện uỷ thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc để tiến hành việc tổng đạt văn bản tố tụng cho anh HWANG MYEONG GEUN. Tại văn bản số 2398/BTP-PLQT&GQTCĐTQT ngày 08/7/2026 và tài liệu kèm theo, Bộ Tư pháp thông báo Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc không thực hiện được việc uỷ thác tư pháp của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng cho anh HWANG MYEONG GEUN. Tòa án đã thông báo cho anh HWANG MYEONG GEUN trên cổng thông tin điện tử của TAND thành phố Hải Phòng, có công văn đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc tiến hành niêm yết và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc.

Tại phiên tòa, chị Hải Anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh HWANG MYEONG GEUN đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hải Anh và anh HWANG

MYEONG GEUN tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại quận Cheoin, thành phố Yongin, tỉnh Gyeonggi, Hàn Quốc vào ngày 04/11/2009 và đã ghi chú đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương vào ngày 24/11/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị Hải Anh, công văn số 4482/XNC ngày 29/5/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an thành phố Hải Phòng có căn cứ xác định sau khi kết hôn anh HWANG MYEONG GEUN trở về Hàn Quốc, chị Hải Anh sinh sống tại Việt Nam, không sống chung từ năm 2011 đến nay. Xét thấy chị Hải Anh và anh HWANG MYEONG GEUN mỗi người ở một quốc gia khác nhau, không có cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị Hải Anh ly hôn anh HWANG MYEONG GEUN.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Hải Anh xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Hải Anh là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hải Anh, xử cho chị Nguyễn Hải Anh ly hôn anh HWANG MYEONG GEUN.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Hải Anh phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí

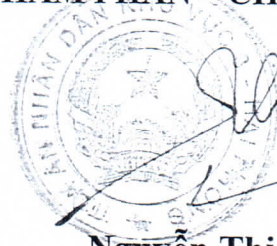
300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0005173 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (do ông Nguyễn Quang Dũng nộp thay). Chị Nguyễn Hải Anh đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Hải Anh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh HWANG MYEONG GEUN có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng (ghi chú đăng ký kết hôn năm 2009 tại Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**



Nguyễn Thị Hoài Thanh

